

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị V trình bày vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 08/10/2011. Chị V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng con; yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản trình bày ý kiến của anh Nguyễn Bút V biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2019, anh Nguyễn Bút V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 21/12/2010. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh V ham chơi theo bạn bè nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm, hiện tại hai người sống ly thân. Anh V không đồng ý ly hôn chị V vì vẫn còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh V trình bày vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 08/10/2011. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh V đồng ý giao cháu Q cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh V trình bày không có nợ chung.

Mặc dù đã nhận được các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/02/2019, 01/3/2019 nhưng anh V đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 18/3/2019, chị V có mặt, anh V đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh V vắng mặt. Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V có mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, cố tình cản trở, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V về việc xin ly hôn anh Nguyễn Bút V. Giao cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 08/10/2011 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị V, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không xem xét. Buộc chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho bị đơn anh Nguyễn Bút V. Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn có mặt, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai của bị đơn tại phiên tòa để tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Bút V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 21/12/2010. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị V, anh V là hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm, anh V ham chơi theo bạn bè và nhiều lần đánh đập chị V, hai người sống ly thân từ tháng 6/2018. Anh V vắng mặt các phiên hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ 2, anh V có mặt, yêu cầu đoàn tụ vợ chồng nhưng chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy anh V không thực sự tha thiết với yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của mình, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V, anh V **đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Nguyễn Bút V.**

[2.2] Về việc nuôi con chung: Xét yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Bút V hoàn toàn thống nhất với nhau và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Q. Do đó, áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 **của Luật hôn nhân và gia đình**, giao cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 08/10/2011 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Bút V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: **Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Nguyễn Bút V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V. Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Bút V.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 08/10/2011 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Bút V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Bút V có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Bút V không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006436 ngày 29/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Bút V phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã L, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang